TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 51/2025/QĐST-HNGĐ	*Thái Nguyên, ngày 03 tháng 02 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 645/2024/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2024 giữa:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thuý H, sinh năm 1979

Nơi cư trú: Tổ 10, phường TL, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

*** Bị đơn:** Anh Vũ Huy L, sinh năm 1977

Công tác tại: Phòng Tham mưu, bộ chỉ huy quân sự tỉnh BK. Địa chỉ: Tổ 16, phường, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Thiệu Thị Thanh H – Luật sư Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên. Địa chỉ: Tổ 15, phường P, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Vũ Thị Thanh X, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Tổ 04, phường T, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

2. Anh Vũ Huy T, sinh năm 1980 và chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1975. HKTT: Tổ 03, phường T, thành phố TN; Nơi ở: Công ty TNHH một thành viên 95, thị trấn HC, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc

3. Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tổ 8, phường ĐQ, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

4. Chị Nguyễn Thị Thuý H3, sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ 3, phường PX, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

5. Chị Dương Thị Thanh N, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ 4, phường PX, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

6. Ngân hàng G Việt Nam

Địa chỉ chi nhánh: Chi nhánh huyện C, Bắc Kạn - Tổ 11A, thị trấn BL, huyện CĐ, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Vũ H – Giám đốc chi nhánh

Căn cứ vào Điều 54; 55; 57; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 01 năm 2025,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20/01/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Thuý H và anh Vũ Huy L

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thuý H và anh Vũ Huy L nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vũ Thành Đ, sinh ngày 06/06/2021.

Hai bên nhất trí thỏa thuận, giao con chung là Vũ Thành Đ cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị H được quyền đi lại thăm nom con chung.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Tự thoả thuận, không đề nghị Toà án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung:

*** Về tài sản chung:** Vợ chồng có tài sản chung là thửa đất số 512, tờ bản đồ 3, diện tích 175m^2, loại đất ở đô thị, địa chỉ: tại phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên *(theo GCN QSD đất số CX 699384 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 28/9/2020 mang tên Nguyễn Thị Thuý H)*. Trên đất có 01 nhà xây 02 tầng, mái lợp tôn chống nóng, diện tích mặt sàn nhà 2 tầng là 213 m^2, nhà đã xây dựng năm 2022. Tổng giá trị tài sản nhà và đất trên theo kết quả thẩm định giá tài sản của Chi nhánh thẩm định giá và đấu giá Việt Bắc là 2.799.300.000 đồng.

Khi ly hôn, hai bên nhất trí thỏa thuận, chị H được quyền quản lý và sử dụng tài sản chung là thửa đất số 512, tờ bản đồ 3, diện tích 175m^2 tại phường Phú Xá, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên và tài sản trên đất là 01 nhà 2 tầng, diện tích mặt sàn nhà 2 tầng là 213 m^2, nhà đã xây dựng năm 2022, mái lợp tôn chống nóng, phần lát gạch phía trước nhà 52,3m^2, phần sân sau nhà diện tích 14,1m^2, phần đất phía sau nhà chưa sử dụng đến là 1,6m^2, phần đất phía trước sân giáp đường giao thông chưa sử dụng đến là 3,1m^2.

Vị trí diện tích đất theo các điểm 9,10,2,3,4,5,13,14,6,7,8,1,9

Phía Đông giáp thửa 513, tờ bản 3, điểm 10,2,3,4,5,13

Phía Bắc giáp đường giao thông, điểm 9,10

Phía Nam giáp đường quy hoạch điểm 13,14

Phía Tây giáp thửa 848, tờ bản đồ 3 điểm 9,1,8,7,6,14

(Kèm theo trích đo thửa đất và tài sản trên đất của Công ty cổ phần đo đạc và bản đồ Thái An)

- Chị H có trách nhiệm trích chia tài sản chung cho anh L ½ giá trị tài sản chung tương ứng với số tiền là: 1.399.650.000 đồng *(Một tỷ ba trăm chín mươi chín triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng)*. Thời hạn thanh toán: Chậm nhất ngày 20/4/2025. Hình thức thanh toán: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Chị H có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

*** Về công nợ chung:** Các bên thống nhất thỏa thuận:

- Chị Nguyễn Thị Thúy H tự nguyện trả các khoản nợ chung của hai vợ chồng như sau:

+ Trả cho chị Nguyễn Thị Thuý H3 số tiền nợ chung vợ chồng là 170.000.000 đồng *(Một trăm bảy mươi triệu đồng);*

+ Trả cho anh Nguyễn Văn H2 số tiền nợ chung vợ chồng là 130.000.000 đồng *(Một trăm ba mươi triệu đồng);*

+ Trả cho chị Dương Thị Thanh N số tiền nợ chung vợ chồng là 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng);*

- Anh Vũ Huy L tự nguyện trả các khoản nợ chung của hai vợ chồng như sau:

+ Trả cho chị Vũ Thị Thanh X số tiền nợ chung vợ chồng là 120.000.000 đồng *(Một trăm hai mươi triệu đồng);*

+ Trả cho anh Vũ Huy T số tiền nợ chung vợ chồng là 30.000.000 đồng *(Ba mươi triệu đồng);*

+ Trả cho chị Nguyễn Thị H1 số tiền nợ chung vợ chồng là 180.000.000 đồng *(Một trăm tám mươi triệu đồng);*

- Đối với các khoản nợ chung vợ chồng khác gồm: Khoản nợ ông Vũ Huy K 60.000.000 đồng và 5 chỉ vàng; khoản nợ của anh Đàm Văn H 26.000.000 đồng; Khoản nợ của anh Vũ Văn Quang 40.000.000 đồng, do không có địa chỉ cụ thể và những người này không có đơn yêu cầu độc lập nên chị H anh L tự thỏa thuận, không đề nghị Toà án giải quyết trong vụ án này. Đối với khoản nợ của Ngân hàng G Việt Nam – Chi nhánh huyện CĐ, Bắc Kạn theo Hợp đồng tín dụng số 8601-LAV-202301054 ngày 17/7/2023, Tòa án không giải quyết trong vụ án này do Ngân hàng không có yêu cầu độc lập, anh L, chị H không có yêu cầu giải quyết.

2.4. Về chi phí tố tụng khác:

Chị H đã tạm ứng toàn bộ chi phí tố tụng, gồm: chi phí thẩm định 8.600.000 đồng, chi phí định giá tài sản là 25.000.000 đồng, tổng là 33.600.000 đồng. Hai bên nhất trí thỏa thuận, mỗi bên chịu một nửa chi phí tố tụng trên. Anh L tự nguyện hoàn trả cho chị H ½ số tiền thẩm định, định giá tài sản là 16.800.000 đồng (*Mười sáu triệu tám trăm nghìn đồng).*

Kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì còn phải tiếp tục chịu lãi suất tương ứng với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

2.5. Án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy H tự nguyện nộp 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch đối với phần tài sản chung và công nợ chung là 32.244.750 đồng, làm tròn là 32.245.000 đồng (*Ba mươi hai triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 30.000.000 đồng theo biên lai thu số 0003413 ngày 05/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Chị H còn phải tiếp tục nộp 2.395.000 tiền án phí *(Hai triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng)*.Anh Vũ Huy L tự nguyện nộp án phí dân sự có giá ngạch đối với phần tài sản chung và công nợ chung là 31.944.750 đồng, làm tròn là 31.945.000 đồng *(Ba mươi mốt triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng)*.

Hoàn lại cho anh Nguyễn Văn H2 tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.250.000 đồng theo biên lai thu số 0000510 ngày 27/11/2024. Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Thúy Hà tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.250.000 đồng theo biên lai thu số 0000512 ngày 27/11/2024. Hoàn lại cho chị Dương Thị Thanh N tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng theo biên lai thu số 0000511 ngày 27/11/2024. Hoàn lại cho chị Vũ Thị Thanh X tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng theo biên lai thu số 0000584 ngày 17/12/2024. Hoàn lại cho anh Vũ Huy T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000 đồng theo biên lai thu số 0000576 ngày 16/12/2024. Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị H1 tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.500.000 đồng theo biên lai thu số 0000575 ngày 16/12/2024. Các biên lai nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND tp.TN;
- UBND P. Tân Lập, TPTN, tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tứ Xuân